

# Bức tranh xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2007-2019 và 6 tháng đầu năm 2020

TRẦN THỊ NGỌC PHƯƠNG\*  
TRẦN THỊ LAN HƯƠNG\*\*  
TRẦN XUÂN BÌNH\*\*\*

Sau hơn 10 năm chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nền kinh tế Việt Nam đã trở thành một bộ phận của nền kinh tế toàn cầu, với tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt gần 480 tỷ USD, gấp gần 2 lần tổng sản phẩm trong nước (GDP). Hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam phát triển mạnh, giúp mở rộng thị trường, đa dạng các loại hàng hóa tham gia xuất, nhập khẩu. Mặc dù vậy, để tiếp tục duy trì mức tăng trưởng của kim ngạch xuất khẩu và có thể tận dụng được một cách có hiệu quả các hiệp định FTA thế hệ mới trong thời gian tới, đòi hỏi phải có cái nhìn tổng thể về hoạt động xuất khẩu của Việt Nam dưới các góc độ về xu hướng chung và theo cơ cấu mặt hàng xuất khẩu.

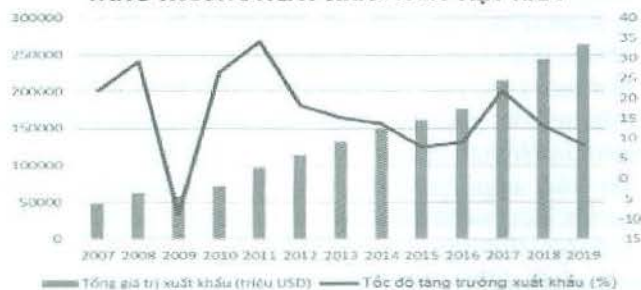
## TĂNG TRƯỞNG XUẤT KHẨU THỜI KỲ 2007-2019

### Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu

Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam kể từ năm 2007 đến nay đã có nhiều bước phát triển ngoạn mục về cả số lượng và chất lượng. Kim ngạch xuất khẩu của nền kinh tế tính đến hết năm 2019 đạt 264,189 tỷ USD, tăng 8,41% so với năm 2018, tăng 444% so với năm 2007 (Hình 1).

Trong hơn 13 năm qua, kể từ khi gia nhập WTO (trừ năm 2009 do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu), tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam đạt bình quân 18,3%/năm. Xuất khẩu đã là một thành tố quan trọng đóng góp gia tăng GDP. Tỷ trọng của xuất khẩu trong GDP từ năm 2007 đến nay, về cơ bản gia tăng liên tục và năm 2019 con số này đạt mức cao nhất là 100,87% GDP (Hình 2).

HÌNH 1: TỔNG GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM



Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê

### Xu hướng xuất khẩu

#### Theo loại hình sở hữu doanh nghiệp

Tính chung toàn bộ thời kỳ 2007-2019, tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước thấp hơn so với khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trong tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu thực hiện từ năm 2007 đến hết năm 2019, khu vực kinh tế trong nước xuất khẩu 598,6 tỷ USD, chiếm 33%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) xuất khẩu 1197,2 tỷ USD, chiếm 67%. Như vậy, khu vực FDI thời gian qua đóng vai trò chủ yếu trong kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Xuất khẩu của doanh nghiệp FDI tăng trung bình 17,82%/năm, cao hơn gần 4 điểm phần trăm so với 13,95% của khu vực trong nước (Hình 3). Tuy nhiên, kết quả xuất khẩu năm 2019 cũng cho thấy sự vươn lên mạnh mẽ của khu vực kinh tế trong nước, khi mà kim ngạch xuất khẩu của khu vực này đạt 84,99 tỷ USD, chiếm 32,2% tổng kim ngạch xuất khẩu (so với 28,6% của năm 2018) và ghi nhận tốc độ tăng trưởng đạt tới 21,9%, so với mức chỉ 3% của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Khu vực FDI không chỉ đóng vai trò quan trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, mà còn là nhân tố quyết

\* ThS., \*\* ThS., Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

\*\*\* ThS., Tổng cục Đường bộ Việt Nam

định thặng dư cán cân thương mại cho nền kinh tế (Hình 4). Tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu từ năm 2007 đến hết năm 2019 của cả nước là 1.843 tỷ USD, tốc độ tăng bình quân hàng năm 14,95%. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập khẩu 849,5 tỷ USD, chiếm 46% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của cả nước; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu 993,6 tỷ USD, chiếm 54%. Trong khi khu vực kinh tế trong nước luôn thâm hụt thương mại, thì khu vực có vốn đầu tư nước ngoài lại luôn thặng dư.

**Theo ngành hàng xuất khẩu**

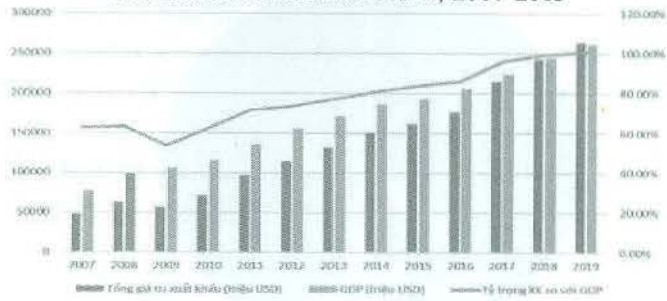
Cơ cấu hàng hóa xuất, nhập khẩu hầu như không có thay đổi đáng kể trong một số năm gần đây. Tính từ năm 2014 đến hết năm 2019, nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, đạt 1128,4 tỷ USD, chiếm 93%. Tiếp đó là nhóm ngành nông, lâm, thủy sản đạt 48,5 tỷ USD, chiếm khoảng 4%. Còn lại nhóm nhiên liệu khoáng sản và nhóm các hàng hóa khác chỉ chiếm khoảng 3%. Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có xu hướng tăng ổn định qua các năm, trong khi đó tỷ trọng của nhóm ngành nông, lâm, thủy sản và nhóm nhiên liệu, khoáng sản có xu hướng giảm dần.

**Theo trình độ công nghệ của hàng xuất khẩu**

Phân theo trình độ công nghệ, hàng xuất khẩu gồm có hàng thô hoặc mới sơ chế (lương thực, thực phẩm; nguyên liệu thô, nhiên liệu...) và hàng chế biến hoặc đã tinh chế (máy móc, phương tiện vận tải và phụ tùng; hàng chế biến phân loại theo nguyên liệu; hóa chất...), các hàng hóa khác không thuộc các nhóm trên. Số liệu từ năm 2007 cho thấy, tỷ trọng xuất khẩu của nhóm hàng chế biến hoặc đã tinh chế có xu hướng tăng từ mức chỉ chiếm 55,4% kim ngạch xuất khẩu năm 2007 lên đến 86% năm 2019. Tính chung cho cả thời kỳ, nhóm hàng chế biến hoặc đã tinh chế chiếm 77,3% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong khi nhóm hàng thô hoặc mới sơ chế chiếm 22,6%, các mặt hàng khác không thuộc hai nhóm này chiếm tỷ trọng không đáng kể (Hình 5).

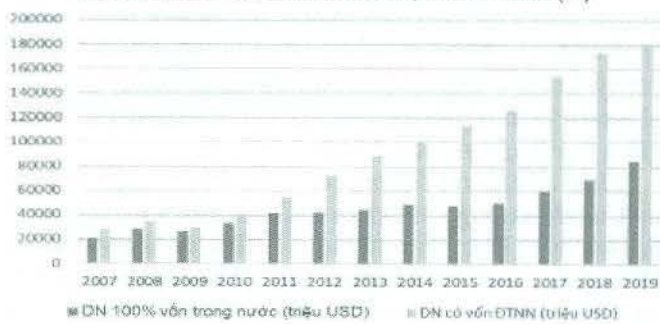
Cơ cấu các nhóm hàng xuất khẩu trong năm 2019 cho thấy, có 6 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 63,4% tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam. Trong đó, điện thoại và linh kiện chiếm 19,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; điện tử, máy tính và linh kiện chiếm 13,5%; hàng dệt

**HÌNH 2: KIM NGẠCH XUẤT KHẨU, GDP VÀ TỶ TRỌNG CỦA XUẤT KHẨU TRONG GDP, 2007-2019**

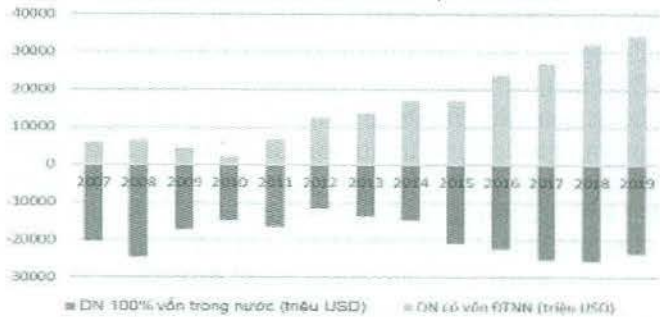


Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê và WDI

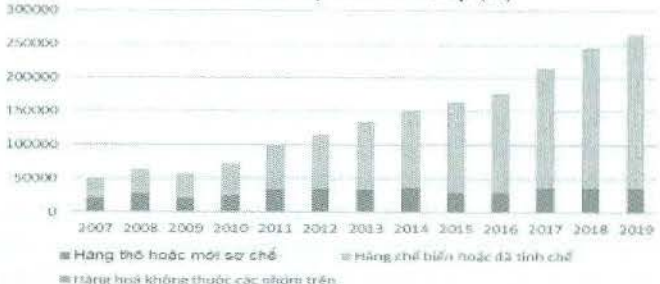
**HÌNH 3: KIM NGẠCH XUẤT KHẨU CỦA DOANH NGHIỆP 100% VỐN TRONG NƯỚC VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, 2007-2019 (%)**



**HÌNH 4: CÁN CÂN THƯƠNG MẠI CỦA DOANH NGHIỆP 100% VỐN TRONG NƯỚC VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, 2007-2019**



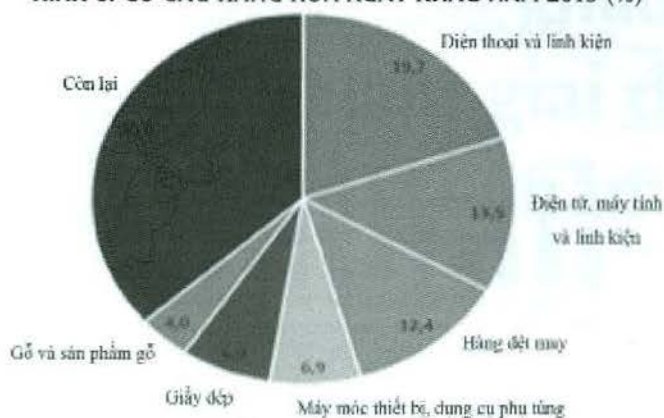
**HÌNH 5: TỶ TRỌNG XUẤT KHẨU THEO TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ (%)**



Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê

may chiếm 12,4%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 6,9%; giày dép chiếm 6,9%; gỗ và sản phẩm gỗ chiếm 4% (Hình 6). Theo đó, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng 8,7% so với năm trước, chiếm

HÌNH 6: CƠ CẤU HÀNG HÓA XUẤT KHẨU NĂM 2019 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2020)

50,5% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu; nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng 11,3%, với tỷ trọng ở mức 38,3%; nhóm hàng nông, lâm sản giảm 4,1%, mức tỷ trọng là 7,9%; nhóm hàng thủy sản giảm 2,4% và tỷ trọng ở mức 3,3%.

#### Theo cơ cấu thị trường

Các thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam vẫn là Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản và Hàn Quốc. Việt Nam tiếp tục xuất siêu lớn nhất tới Mỹ và EU. Theo phân tích của Trần Thọ Đạt, Tô Trung Thành (2020), để đánh giá tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đến xuất khẩu của hàng hóa Việt Nam sang Mỹ, có thể thông qua chỉ số trùng lặp và hiệu ứng lấn át hàng Trung Quốc và hàng Việt Nam trên thị trường Mỹ. Kết quả tính toán chỉ số trùng lặp thương mại này giữa hai nước từ số liệu ngành ở cấp độ 3 chữ số cho thấy, mức độ trùng lặp gia tăng nhanh chóng qua các giai đoạn. Như vậy, Việt Nam gặp sức ép lớn từ việc cạnh tranh với các mặt hàng của Trung Quốc tại thị trường Mỹ do tính trùng lặp và tác động lấn át cao. Điều này lý giải vì sao kim ngạch xuất khẩu và một số mặt hàng xuất khẩu sang Mỹ của Việt Nam đạt tăng trưởng rất cao trong năm 2019 là có nguyên nhân từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.

#### TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Trong 6 tháng đầu năm 2020, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, bùng phát mạnh tại một số quốc gia, đặc biệt là các nước đối tác lớn của Việt Nam đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Do có sự đứt gãy của chuỗi cung ứng toàn cầu, nên kim ngạch xuất, nhập khẩu của Việt Nam đã bị tác động lớn. Ngay từ đầu năm 2020, dịch Covid-19 khởi phát tại Trung Quốc đã làm gián đoạn một số hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường này; đặc biệt là ở lĩnh vực xuất khẩu hàng nông, thủy sản và nhập khẩu nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất trong nước. Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam chỉ thực sự bị tác động mạnh trong quý II/2020, sau khi dịch Covid-19 lây lan mạnh trên phạm vi toàn cầu, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam, như: Mỹ, EU, Nhật Bản, ASEAN...

Việc thực hiện các biện pháp nghiêm ngặt để ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, như: hạn chế đi lại, đóng cửa các nhà hàng, đóng cửa biên giới và sân bay... tại nhiều quốc gia đã gây ra sự gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, nhu cầu tiêu dùng suy giảm. Kết quả là tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của Việt Nam trong quý II/2020 ước đạt 115,66 tỷ USD, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm trước và giảm 5,8% so với quý I năm nay. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 57,98 tỷ USD, giảm 9% so với cùng kỳ năm trước và giảm 8,3% so với quý I năm nay; kim ngạch nhập khẩu đạt 57,68 tỷ USD, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm trước và giảm 3% so với quý I năm nay (Tổng cục Thống kê, 2020).

Trong khi kim ngạch xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước đạt gần 21,3 tỷ USD quý II/2020, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước, thì khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 36,7 tỷ USD, giảm 16,4%. Do đó, tính chung 6 tháng đầu năm 2020, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước đạt 41,38 tỷ USD, tăng 11,7% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 34,1% tổng kim ngạch xuất khẩu (tăng khoảng 2 điểm phần trăm so với tỷ trọng tính chung cả năm 2019). Ngược lại, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 79,83 tỷ USD, chiếm 65,9%, giảm 6,7% so với cùng kỳ năm trước.

Trong cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2020, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng 0,9% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 52,8% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu; nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp giảm 3,7% và chiếm 35,7%; nhóm hàng nông, lâm sản tăng 1% và chiếm 8,6%; nhóm hàng thủy sản giảm 8,3% và chiếm 2,9%.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ chốt vẫn là điện thoại và linh kiện, điện tử, máy tính và linh kiện, dệt may, máy móc thiết bị: 22 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 86,2% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó điện thoại và linh kiện có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, đạt 21,5 tỷ USD, chiếm 17,7% tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm 8,4% so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, tỷ trọng xuất khẩu của một số mặt hàng chủ lực vẫn thuộc về khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Hiện nay, dịch bệnh Covid-19 vẫn chưa được kiểm soát hiệu quả trên phạm

vi toàn cầu, đặc biệt là tại các quốc gia EU, Hoa Kỳ, một số quốc gia ASEAN (như Indonesia, Singapore) và có nguy cơ bùng phát lại ở Việt Nam. Dịch bệnh diễn biến phức tạp cùng với các biện pháp thực thi nhằm ngăn chặn sự lây lan dịch có ảnh hưởng bất lợi tới các hoạt động kinh tế, đặc biệt là hoạt động thương mại 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu của Việt Nam sang ASEAN đạt 11,1 tỷ USD, giảm 14,2% so với cùng kỳ 2019; xuất khẩu sang thị trường EU đạt 16,1 tỷ USD, giảm 8,8%; xuất khẩu sang Nhật Bản đạt 9,4 tỷ USD, giảm 2,3% (Tổng cục Thống kê, 2020).

## ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

Kể từ khi gia nhập WTO đến nay, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam đã chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ, kim ngạch xuất - nhập khẩu gia tăng, thị trường được mở rộng, các hàng hóa được đa dạng. Từ chỗ thường xuyên nhập siêu, Việt Nam đã chuyển sang cân bằng xuất - nhập khẩu, thậm chí là xuất siêu, nhiều sản phẩm dần có chỗ đứng và khả năng cạnh tranh trên thị trường có yêu cầu cao về chất lượng, như: EU, Mỹ, Nhật Bản... Khi bắt đầu gia nhập WTO, quy mô kinh tế của đất nước còn khá nhỏ với mức thu nhập bình quân đầu người thấp, hiện nay Việt Nam đã gia nhập nhóm nước thu nhập trung bình, là một trong 32 nước có kim ngạch xuất khẩu trên 100 tỷ USD, trong đó có một số mặt hàng đứng đầu thế giới.

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam kể từ năm 2007 đến hết năm 2019 tăng trưởng bình quân đạt 16,2%/năm. Giá trị đóng góp của xuất khẩu vào GDP đã đạt 100,87% vào năm 2019 cao hơn nhiều so với năm 2007 (68,6%). Xuất khẩu đã góp phần cải thiện cán cân thương mại và cán cân vãng lai.

Mặc dù bị ảnh hưởng bởi những tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và gần đây là tác động của đại dịch Covid-19, Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Việc đàm phán, ký kết và thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA), nhất là các FTA thế hệ mới chắc chắn sẽ tác động mạnh mẽ, tích cực hơn nữa đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 01/8/2020 được coi là "tuyến cao tốc đặc biệt" mở ra cơ hội đẩy mạnh giao thương giữa Việt Nam với EU, đặc biệt là cơ hội cho nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam ngay cả trong bối cảnh Covid-19. Với Hiệp định này, Việt Nam có thêm nhiều cơ hội đa dạng hóa các mặt hàng nông sản, thủy sản hay dệt may, da giày vào thị trường trên 500 triệu dân.

Để có thể tận dụng được một cách có hiệu quả các FTA thế hệ mới, Việt Nam cần phải: (i) Tiếp tục triển khai các kế hoạch công tác đối ngoại và hội nhập trong thời gian tới; (ii) Nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại; (iii) Đẩy mạnh hoạt động nắm bắt thông tin về các xu thế sản phẩm, tiêu dùng, thương mại, dịch chuyển đầu tư mới do ảnh hưởng của dịch Covid-19 tại các nước nhập khẩu, cũng như đối thủ cạnh tranh; (iv) Tăng cường kết nối giao thương giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các đối tác có nhu cầu nhập khẩu, chú trọng vào các thị trường có khả năng phục hồi sớm; từng bước mở rộng sang các thị trường khác theo diễn biến của tình hình dịch bệnh. Đồng thời, cần tập trung xử lý tốt các khu vực thị trường xuất - nhập khẩu lớn của Việt Nam để khơi thông và ổn định thị trường, đặc biệt là với Hoa Kỳ, Trung Quốc và EU. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thọ Đạt, Tô Trung Thành (Đồng chủ biên) (2020). *Đánh giá kinh tế Việt Nam thường niên 2019: Cải thiện năng suất lao động trong bối cảnh kinh tế số*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân
2. Hà Quỳnh Hoa, Trần Thọ Đạt (2018). *Đánh giá xuất khẩu sau hơn 10 năm gia nhập WTO*, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 01 tháng 1/2018 (677)
3. Ngân hàng Thế giới (2020). *Cơ sở dữ liệu về các chỉ số phát triển của Việt Nam*, Công cụ World Development Indicators (WDI), truy cập từ <https://data.worldbank.org/country/vietnam>
4. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2020). *Tổng hợp các FTA của Việt Nam tính đến tháng 4/2020*, truy cập từ <http://trungtamwto.vn/thong-ke/12065-tong-hop-cac-fta-cua-vietnam-tinh-den-thang-112018>
5. Tổng cục Thống kê (2019). *Tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2019*, truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=19454>
6. Tổng cục Thống kê (2020). *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2020*, truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=19651>
7. Tổng cục Thống kê (2020). *Số liệu thống kê thương mại, giá cả*, truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=720>